

Số: /UBND – NC
V/v hướng dẫn tổ chức đánh giá,
công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận
pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh, ngày tháng 02 năm 2026

Kính gửi:

- Sở Tư pháp;
- UBND các xã, phường, đặc khu.

Thực hiện Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg; UBND tỉnh hướng dẫn tổ chức đánh giá, công nhận xã, phường, đặc khu (*sau đây gọi là cấp xã*) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, cụ thể như sau:

I. Thời gian lấy số liệu, thời gian tổ chức đánh giá, công nhận, hình thức thẩm định hồ sơ và tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu.

1. Thời gian lấy số liệu: Số liệu đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được tính từ ngày 01/11 của năm trước liền kề đến ngày 31/10 của năm đánh giá.

2. Thời gian tổ chức đánh giá, công nhận xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện từ ngày 01 tháng 11 hàng năm. Trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận, công khai cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (có Phụ lục I đính kèm).

3. Việc gửi hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến Sở Tư pháp được thực hiện qua Hệ thống Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ninh. Thời gian UBND cấp xã nộp hồ sơ đề nghị công nhận về Sở Tư pháp từ ngày 15 đến ngày 20/11 hàng năm. Lưu ý:

- Trường hợp cấp xã **đạt tất cả** các chỉ tiêu theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định. Sở Tư pháp tiếp nhận, rà soát, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, đặc khu; yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan (*nếu có*). Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu chậm nhất trong thời hạn 02 (*hai*) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

- Trường hợp cấp xã có từ 01 chỉ tiêu trở lên đánh giá là "**Không đạt**" thì cấp xã đó **không đạt** chuẩn tiếp cận pháp luật của năm đánh giá. Ủy ban nhân dân cấp xã không gửi hồ sơ để thẩm định, nhưng phải gửi báo cáo tình hình, kết quả thực hiện (kèm theo hồ sơ đánh giá, bản tự đánh giá mức độ đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu) về Sở Tư pháp trong thời gian nêu trên.

5. Nội dung, mức độ đạt chuẩn; tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật:

- Nội dung, mức độ đạt chuẩn; tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật được quy định tại **Phụ lục II** ban hành kèm theo Văn bản này.

- Mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật được xác định trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở Tư pháp, làm căn cứ xem xét, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

II. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp

- Chủ trì, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện đánh giá; tổ chức thẩm định, xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của từng đơn vị cấp xã; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của tỉnh về Bộ Tư pháp trong Báo cáo định kỳ về kết quả công tác tư pháp hằng năm theo quy định.

- Khi có kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp kịp thời báo cáo, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, chỉ đạo, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã làm đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp hướng dẫn, thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổ chức đánh giá kết quả thực hiện và mức độ đạt của từng tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật tại địa phương.

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp tổng hợp) trong Báo cáo định kỳ về kết quả công tác tư pháp hằng năm theo quy định.

- Khi có kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, chỉ đạo, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

- Kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, địa phương triển khai thực hiện, bảo đảm các nội dung theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (báo cáo);
- BTV Đảng ủy UBND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (để thực hiện);
- UBND các xã, phường, đặc khu (để thực hiện);
- Lưu: VT, NC.

T/M. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phụ lục I
TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ, LẬP HỒ SƠ
ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT
(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-NC ngày /02/2026 của UBND tỉnh)

Bước	Nội dung công việc chính	Người/đơn vị thực hiện	Thời hạn/Yêu cầu
Bước 1: Tự đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu	- Xác định chỉ tiêu đạt/chưa đạt, lý do chưa đạt - Tổng hợp tài liệu chứng minh - Xây dựng Bản tự đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật theo Mẫu 02 Phụ lục II Thông tư số 15/2025/TT-BTP	Đơn vị, công chức cấp xã được phân công theo dõi, phụ trách các tiêu chí, chỉ tiêu.	Theo Kế hoạch của UBND cấp xã, phù hợp thời hạn quy định tại Điều 6 Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg
Bước 2: Tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện và mức độ đạt từng tiêu chí, chỉ tiêu	UBND cấp xã tổ chức họp để xem xét, đánh giá kết quả thực hiện và mức độ đạt từng tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật. Biên bản cuộc họp lập theo Mẫu 04 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 15/2025/TT-BTP - Lập biên bản cuộc họp	UBND cấp xã (chủ trì bởi lãnh đạo UBND) Thành phần: đại diện đơn vị/công chức chuyên môn được giao theo dõi, phụ trách các tiêu chí, chỉ tiêu; đại diện MTTQ, tổ chức chính trị-xã hội cấp xã, trưởng thôn/khu; tổ chức, cá nhân có liên quan.	Theo Kế hoạch của UBND cấp xã, phù hợp thời hạn tại Thông tư 15/2025/TT-BTP và Điều 3 Quyết định này.
Bước 3: Niêm yết hoặc đăng tải công khai kết quả tự đánh giá để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn	- Niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã (ít nhất 10 ngày) - Đăng tải nội dung kết quả tự đánh giá trên Cổng/Trang thông tin điện tử hoặc thông báo trên Đài truyền thanh cấp xã (ít nhất 10 ngày nếu đăng tải điện tử)	Công chức cấp xã theo phân công của Chủ tịch UBND	Ít nhất 10 ngày cho mỗi hình thức theo Kế hoạch của UBND cấp xã.
Bước 4: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến	- Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý (nếu có). - Hoàn thiện Bản tự đánh giá.	Công chức cấp xã được phân công và	Theo Kế hoạch của UBND cấp xã, phù hợp thời hạn tại Thông tư

	- Lập Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến theo Mẫu 03 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 15/2025/TT-BTP Trong đó nêu rõ nội dung của ý kiến, kiến nghị, phản ánh và họ, tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân có ý kiến, kiến nghị, phản ánh. Đối với các nội dung không tiếp thu thì phải giải trình rõ lý do.	các tổ chức, cá nhân liên quan.	15/2025/TT-BTP và Điều 3 Quyết định này.
Bước 5: Lập hồ sơ gửi Sở Tư pháp	<u>Trường hợp ĐẠT tất cả tiêu chí:</u> + Rà soát, hoàn thiện Báo cáo, Bản tự đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, các thông tin, số liệu trên cơ sở kết quả cuộc họp đánh giá và chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp xã. + Trình Chủ tịch UBND cấp xã ký văn bản đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gửi Sở Tư pháp. + Gửi hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho Sở Tư pháp. * Hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bao gồm: (i) Văn bản đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 01 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 15/2025/TT-BTP); (ii) Bản tự đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật (Mẫu 02 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 15/2025/TT-BTP); (iii) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân về kết quả tự đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật (nếu có) (Mẫu 03 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 15/2025/TT-BTP); (iv) Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 04 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 15/2025/TT-BTP); (v) Tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật (Phụ lục II hướng dẫn).	Văn phòng HĐND&UBND cấp xã.	Nộp hồ sơ về Sở Tư pháp từ 15-20/11 hằng năm.
	<u>Trường hợp KHÔNG ĐẠT:</u> Hồ sơ gửi Sở Tư pháp, bao gồm: + Báo cáo tự đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật (Mẫu 02 Phụ lục II Thông tư số 15/2025/TT-BTP); + Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 04 Phụ lục II Thông tư số 15/2025/TT-BTP)	Văn phòng HĐND&UBND cấp xã.	Nộp hồ sơ về Sở Tư pháp từ 15-20/11 hằng năm.

Phụ lục II
MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN, TÀI LIỆU CHỨNG MINH MỨC ĐỘ ĐẠT
CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU TIẾP CẬN PHÁP LUẬT
(Ban hành kèm theo Công văn số _____/UBND-NC ngày ____/02/2026 của UBND tỉnh)

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh¹
Tiêu chí 1	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Đạt 03/03 chỉ tiêu	
Chỉ tiêu 1	<i>Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>	<i>Đạt 01/01 nội dung</i>	
	Tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật $\text{Tỷ lệ \%} = (\text{Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc kiến nghị xử lý do trái với quy định pháp luật/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã phát sinh trong năm đánh giá phải ban hành}) \times 100$	100%	- Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành trong năm đánh giá, kèm theo các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho chính quyền cấp xã (nếu có). - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).
Chỉ tiêu 2	<i>Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>	<i>Đạt 01/01 nội dung</i>	

¹ Đối với tài liệu chứng minh là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ thì cần thể hiện cụ thể mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

	Tỷ lệ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã phát sinh trong năm đánh giá phải ban hành) x 100</i>	100%	Kế hoạch truyền thông (lồng ghép hoặc độc lập) và các hồ sơ, văn bản, tài liệu phục vụ việc truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã trong quá trình xây dựng.
Chỉ tiêu 3	Thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Đạt 01/01 nội dung	
	Tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện tự kiểm tra theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện tự kiểm tra theo quy định/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện tự kiểm tra theo quy định trong năm đánh giá) x 100</i>	100%	- Quyết định phân công cơ quan, người có trách nhiệm giúp UBND, HĐND cấp xã tự kiểm tra văn bản QPPL (<i>khoản 2 Điều 11 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025</i>) - Báo cáo kết quả tự kiểm tra và hồ sơ, văn bản, tài liệu liên quan việc thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (<i>khoản 1 Điều 13 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025</i>) Việc xác định tổng số Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp xã phải thực hiện tự kiểm tra theo quy định trong năm đánh giá được căn cứ vào khoản 2 Điều 12 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). Theo đó, đối với văn bản của chính quyền địa phương, phải thực hiện tự kiểm tra văn bản theo quy định trong thời gian 10 ngày kể từ ngày văn bản được thông qua hoặc ký ban hành; đối với văn bản được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt thì phải thực hiện tự kiểm tra theo quy

			định trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được thông qua hoặc ký ban hành
Tiêu chí 2	Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật	Đạt 07/07 chỉ tiêu	
Chỉ tiêu 1	<i>Thực hiện lập, cập nhật, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin</i>	Đạt 02/02 nội dung	
	1. Thực hiện lập, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện	Có Danh mục thông tin theo quy định của pháp luật và cập nhật thường xuyên	- Các Danh mục thông tin đã được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành, đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử cấp xã hoặc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc hình thức phù hợp khác. - Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép). - Quy chế cung cấp thông tin, phân công nhiệm vụ thực hiện
	2. Đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin	Đăng tải Danh mục thông tin (cấp xã có Cổng/Trang Thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (cấp xã chưa có Cổng/Trang Thông tin điện tử) hoặc hình thức phù hợp khác	
Chỉ tiêu 2	<i>Thực hiện công khai văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin</i>	Đạt 01/01 nội dung	

	Tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành được công khai theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ Nghị\ quyết\ của\ Hội\ đồng\ nhân\ dân,\ Quyết\ định\ của\ Ủy\ ban\ nhân\ dân\ cấp\ xã\ sau\ khi\ ban\ hành\ được\ công\ khai\ theo\ quy\ định/Tổng\ số\ Nghị\ quyết\ của\ Hội\ đồng\ nhân\ dân\ được\ thông\ qua\ và\ Quyết\ định\ của\ Ủy\ ban\ nhân\ dân\ cấp\ xã\ phải\ thực\ hiện\ công\ khai\ theo\ quy\ định\ trong\ năm\ đánh\ giá) \times 100$	100%	- Hồ sơ, văn bản, tài liệu phục vụ xây dựng, đăng tải hoặc niêm yết các danh mục thông tin (đường link trên Cổng/Trang Thông tin điện tử, lịch phát các tin, bài công khai thông tin được người có thẩm quyền phê duyệt; hình ảnh chụp các bảng niêm yết, công khai thông tin...). - Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc công khai thông tin theo yêu cầu của Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có). - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (độc lập hoặc lồng ghép).
Chỉ tiêu 3	Thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin	Đạt 01/01 nội dung	
	Tỷ lệ thông tin được cung cấp theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ thông\ tin\ đã\ cung\ cấp\ đúng\ thời\ hạn,\ chính\ xác,\ đầy\ đủ,\ đúng\ hình\ thức\ theo\ quy\ định\ pháp\ luật/Tổng\ số\ thông\ tin\ có\ yêu\ cầu\ đủ\ điều\ kiện\ cung\ cấp\ trong\ năm\ đánh\ giá) \times 100$ (Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được xác định là đạt chỉ tiêu này)	100%	- Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin. - Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có). - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (độc lập hoặc lồng ghép).
Chỉ tiêu 4	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	Đạt 02/02 nội dung	
	1. Ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	Kế hoạch được ban hành đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời hạn theo kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trong 07	- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã. - Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện Kế hoạch và các văn bản, tài liệu phục vụ tổ chức, triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch. - Hồ sơ, văn bản, tài liệu chứng minh kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch.

		(bảy) ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không có yêu cầu về thời hạn.	
	2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ nhiệm\ vụ,\ hoạt\ động\ đã\ triển\ khai\ và\ hoàn\ thành\ trên\ thực\ tế / Tổng\ số\ nhiệm\ vụ,\ hoạt\ động\ đề\ ra\ trong\ Kế\ hoạch) \times 100$ (Các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra trong kế hoạch nhưng không triển khai và không hoàn thành được vì lý do khách quan thì không được tính để xác định tỷ lệ này)	100%	
Chỉ tiêu 5	Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	Đạt 01/01 nội dung	
	Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện ít nhất 02 (hai) hoạt động về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật sau đây: - Tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến; - Ứng dụng công nghệ số trong tập huấn phổ biến kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ nhân lực làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; - Phổ biến, giáo dục pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử/Trang Thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và có sự kết nối với Cổng Pháp luật Quốc gia (đối với cấp xã đã có Cổng/Trang Thông tin điện tử); - Sử dụng mạng xã hội hoặc các nền tảng cộng đồng trực tuyến khác để thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật (ít	≥ 02 hoạt động	- Hồ sơ, văn bản, tài liệu chứng minh kết quả thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật như: Kế hoạch, công văn, báo cáo... địa chỉ đường link trên Cổng/Trang Thông tin điện tử, mạng xã hội, các nền tảng cộng đồng trực tuyến..... - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện các nhiệm vụ.

	nhất một trong các hình thức sau: Zalo OA, Facebook Fanpage, Youtube...); - Xây dựng, số hoá các tài liệu, sản phẩm truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật như video clip hoặc podcast hoặc audio...; - Xây dựng chatbox giải đáp pháp luật; - Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tin nhắn điện thoại; - Hoạt động về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số khác bảo đảm phù hợp với thực tiễn.		
Chỉ tiêu 6	<i>Bảo đảm nguồn lực về con người và kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật</i>	<i>Đạt 03/03 nội dung</i>	
	1. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn cấp xã	Bảo đảm theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn hướng dẫn thi hành.	- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung bố trí công chức, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn cấp xã - Dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt/Quyết định giao dự toán ngân sách. - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (độc lập hoặc lồng ghép).
	2. Tỷ lệ nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật trong kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã ban hành được bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật được bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện/Tổng số nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật trong Kế hoạch) x 100</i>	100%	

	3. Tỷ lệ tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn cấp xã) x 100</i>	≥ 90%	- Hồ sơ, tài liệu, văn bản có nội dung về việc tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật. - Danh sách tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã). - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện các nhiệm vụ. <i>(Trường hợp tuyên truyền viên pháp luật tham gia các lớp/hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật của cấp trên tổ chức thì được tính đã được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật)</i>
Chỉ tiêu 7	Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý	Đạt 03/03 nội dung	
	1. Ban hành kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý	Kế hoạch được ban hành riêng hoặc được lồng ghép trong các kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã.	- Kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm (Ban hành độc lập hoặc lồng ghép trong các kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã). - Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện Kế hoạch (báo cáo độc lập hoặc được lồng ghép) và các văn bản, tài liệu phục vụ tổ chức, triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch. - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch.
	2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong kế hoạch) x 100</i> (Các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra trong kế hoạch nhưng không triển khai và không hoàn thành được vì lý do khách quan thì không được tính để xác định tỷ lệ này)	100%	

	3. Xây dựng chuyên mục chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Cổng Thông tin điện tử/Trang Thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và được cập nhật đầy đủ, kịp thời (đối với cấp xã đã có Cổng/Trang Thông tin điện tử)	Có chuyên mục chính sách, pháp luật và được cập nhật đầy đủ, kịp thời	- Hồ sơ, tài liệu, văn bản liên quan việc xây dựng chuyên mục chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã. - Đường link chuyên mục chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã. - Báo cáo kết quả cập nhật chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý (báo cáo độc lập hoặc lồng ghép).
Tiêu chí 3	Hoà giải ở cơ sở	Đạt 04/04 chỉ tiêu	
Chỉ tiêu 1	<i>Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở</i>	<i>Đạt 02/02 nội dung</i>	
	1. Tỷ lệ tổ hoà giải được thành lập, kiện toàn theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hoà giải được thành lập, kiện toàn đáp ứng yêu cầu về số lượng, thành phần theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở/Tổng số tổ hoà giải phải thành lập, kiện toàn trên địa bàn cấp xã) x 100</i> (Trong năm đánh giá không phát sinh yêu cầu thành lập, kiện toàn tổ hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)	100%	- Quyết định về việc thành lập, kiện toàn tổ hòa giải; công nhận, cho thôi tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên. - Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở (báo cáo độc lập hoặc lồng ghép). - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện nhiệm vụ.
	2. Tỷ lệ hoà giải viên được bầu, công nhận, cho thôi theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số hoà giải viên được bầu, công nhận, cho thôi theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở/Tổng số hoà giải viên phải thực hiện bầu, công nhận, cho thôi trên địa bàn cấp xã) x 100</i> (Trong năm đánh giá không phát sinh yêu cầu kiện toàn, công nhận, cho thôi hòa giải viên được xác định là đạt chỉ tiêu này)	100%	

Chỉ tiêu 2	<i>Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở</i>	<i>Đạt 02/02 nội dung</i>	
	1. Tỷ lệ các vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ vụ,\ việc\ đã\ hòa\ giải\ theo\ quy\ định / Tổng\ số\ vụ,\ việc\ hoà\ giải\ đã\ tiếp\ nhận\ trên\ địa\ bàn\ cấp\ xã) \times 100$ (Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)	100%	- Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở. - Biên bản hòa giải các vụ việc; - Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở.
	2. Tỷ lệ các vụ, việc hoà giải ở cơ sở được hoà giải thành $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ vụ,\ việc\ hòa\ giải\ thành / Tổng\ số\ vụ,\ việc\ đã\ hòa\ giải\ theo\ quy\ định) \times 100$ (Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)	$\geq 85\%$	
Chỉ tiêu 3	<i>Có sự phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở</i>	<i>Đạt 01/01 nội dung</i>	
	Tỷ lệ tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 (hai) hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở sau đây: - Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ sau đây tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở: Luật sư, luật gia, trợ giúp viên pháp lý, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật.	$\geq 80\%$	- Hồ sơ, tài liệu (kế hoạch, giấy mời, công văn, báo cáo,...) có nội dung tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 hoạt động có sự tham gia của một trong những đối tượng là luật sư, luật gia, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật làm hòa giải viên ở cơ sở hoặc hỗ trợ pháp lý, tư vấn cho tổ hòa giải để giải quyết vụ, việc hoặc tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên....

	- Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ nêu trên hỗ trợ pháp lý hoặc tư vấn cho tổ hoà giải để giải quyết vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở. - Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ nêu trên tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho hoà giải viên. - Các hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức khác trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở. <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hoà giải ở cơ sở / Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn cấp xã) x 100</i>		- Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở (độc lập hoặc lồng ghép).
Chỉ tiêu 4	Bảo đảm nguồn lực về con người và kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để triển khai công tác hòa giải ở cơ sở theo của quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở	Đạt 04/04 nội dung	
	1. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức làm công tác hoà giải ở cơ sở, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn cấp xã	Có văn bản phân công công chức cấp xã thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; cơ sở vật chất, phương tiện bảo đảm triển khai công tác hoà giải ở cơ sở.	- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã có nội dung bố trí công chức thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn cấp xã. - Dự toán kinh phí chi cho công tác hòa giải ở cơ sở được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt/Quyết định giao dự toán ngân sách. - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
	2. Tỷ lệ hoà giải viên được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hoà giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số hoà giải viên ở cơ sở được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng / Tổng số hoà giải viên trên địa bàn cấp xã) x 100</i>	$\geq 90\%$	- Hồ sơ, tài liệu, văn bản có nội dung về việc cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hoà giải ở cơ sở cho hoà giải viên (Kế hoạch, Công văn, Báo cáo,...). - Danh sách hoà giải viên được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hoà giải ở cơ sở (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã). - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện các nhiệm vụ.

	3. Tỷ lệ tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí hoạt động đúng mức chi theo quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn cấp xã) x 100</i>	100%	- Hồ sơ, tài liệu thực hiện chi kinh phí hỗ trợ tổ hòa giải, chi thù lao cho hòa giải viên.
	4. Tỷ lệ vụ, việc đã hoà giải được hỗ trợ thù lao cho hoà giải viên đúng mức chi theo quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hoà giải được hỗ trợ thù lao cho hoà giải viên đúng mức chi theo quy định/Tổng số vụ, việc hoà giải đã giải quyết) x 100</i>	100%	